

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 151/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vân

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Ngọc H; Nơi ĐKTT: Thôn P, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Tổ dân phố P1, phường P2, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Phạm Văn D; Nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vũ Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Văn D trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 23 tháng 12 năm 2016. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh D ở thôn P, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên thường xảy ra va chạm cãi chửi nhau, anh D đã nhiều lần dùng bạo lực với chị. Mâu thuẫn đã được gia đình bố, mẹ hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ năm 2022 chị đã bỏ về cư trú cùng với bố mẹ để chị ở tổ dân phố P1, phường P2, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Từ khi chị bỏ đi đến nay, anh D nhiều lần đến tìm chị nhưng có thái độ không thiện chí đã nhiều lần chửi chị khi chị không đồng ý quay về đoàn tụ. Từ tháng 10 năm 2022 đến nay chị và anh D sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn D.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn D có hai con chung là Phạm Duy K, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2017 và Phạm Duy T1, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2019. Hiện tại hai con chung do anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa án giao con chung Phạm Duy K cho chị nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Duy T1 cho anh D nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 19 tháng 6 năm 2023, bị đơn là anh Phạm Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống của anh và chị Vũ Thị Ngọc H theo như lời khai chị H đã khai là đúng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên hai bên thường xảy ra tranh cãi. Từ tháng 10 năm 2022 đến nay, chị H đã bỏ về cư trú cùng bố mẹ để chị H ở tỉnh Quảng Ninh. Sau khi chị H bỏ đi, anh và bố mẹ anh đã nhiều lần đến tìm chị H để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không lần nào chị H về đoàn tụ cùng anh. Nay anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị H, nên chị H xin ly hôn anh không đồng ý, anh đề nghị Tòa án hòa giải để anh và chị Hoài được đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị Vũ Thị Ngọc H có hai con chung theo như chị H đã khai là đúng. Hiện tại hai con chung do anh nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị H ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cho anh và chị Hoài mỗi người nuôi dưỡng một con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Đối với bị đơn đã không thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Vũ Thị Ngọc H được ly hôn anh Phạm Văn D. Về con chung: Giao cho chị H nuôi dưỡng con chung Phạm Duy K, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2017; giao cho anh D nuôi dưỡng con chung Phạm Duy T1, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2019; Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Chị Vũ Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị Ngọc H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn D. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Văn D hiện đang cư trú tại thôn P, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Phạm Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Ngọc H và anh Phạm Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23 tháng 12 năm 2016, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: quá trình chung sống chị Vũ Thị Ngọc H và anh Phạm Văn D đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nên vợ chồng thường xảy ra va chạm cãi vã xúc phạm nhau. Xét quan hệ hôn nhân của chị H và anh D là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của chị H đối với anh D. Anh D có quan điểm anh vẫn còn tình cảm với chị H nên anh không đồng ý ly hôn, nhưng anh D không có giải pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Hơn nữa, Tòa án đã nhiều lần báo anh D đến Tòa án để tham gia phiên họp hòa giải nhưng anh D tự ý bỏ về, vắng

mặt không có lý do, nên việc anh D không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Vũ Thị Ngọc H và anh Phạm Văn D có hai con chung là Phạm Duy K, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2017 và Phạm Duy T1, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2019. Chị H đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi dưỡng con chung Phạm Duy K, giao cho anh D nuôi dưỡng con chung Phạm Duy T1. Anh D đề nghị Tòa án giao cho anh và chị H mỗi người nuôi dưỡng một con chung. Xét thấy, hiện tại chị H là nhân viên văn phòng công chứng còn anh D làm kinh doanh online nên khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị H và anh D như nhau. Nên để đảm bảo quyền lợi cho con chung, cần giao cho chị H và anh D mỗi người nuôi dưỡng một con chung là hợp lý. Giao con chung Phạm Duy K cho chị H nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Duy T1 cho anh D nuôi dưỡng.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Văn D không có quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Văn D không có quan điểm về vấn đề tài sản. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị Vũ Thị Ngọc H là nguyên đơn nên chị Vũ Thị Ngọc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Ngọc H và anh Phạm Văn D được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Ngọc H được ly hôn anh Phạm Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Duy K, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2017 cho chị Vũ Thị Ngọc H nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Duy T1, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2019 cho anh Phạm Văn D nuôi đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Thị Ngọc H và anh Phạm Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

4. Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Ngọc H và anh Phạm Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa án không giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Vũ Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị Vũ Thị Ngọc H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 8542 ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Vũ Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP HP;
 - VKSND H TN;
 - Chi cục THA DS H TN;
 - UBND xã L, H T
- (ĐKKH ngày 23 tháng 12 năm 2016);
- Đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

